

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST

Ngày 02-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Thẩm phán thành viên: Ông Chu Long Kiếm;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tổng Quốc Tuấn;

Ông Cao Sơn Thủy;

Bà Trần Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2021/TLST-HS ngày 11-8-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HS ngày 27-10-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/HSST-QĐ ngày 11-11-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/HSST-QĐ ngày 22-11-2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 16/TB-THS ngày 30-11-2021; đối với:

- Bị cáo: Trần Thị Quỳnh T, sinh ngày 17-9-1988 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Đường Q, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Phạm Hoàng Y; có chồng Vy Khánh L và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh tháng 9/2021; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2021 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Chu Thị Nguyễn P, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Quốc lộ 1A, Tổ 1, khối 8,

phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Đường L, P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Quốc lộ 1A, Tổ 1, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 17-9-2021); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Đường H, P4, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Phạm Hoàng Y, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Đường P7, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Vy Khánh L, sinh năm 1986. Nơi đăng ký thường trú: Đường Q, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Đặng Tuấn H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Đường P7, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Trần Thị X, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Khu 3, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Tổ 4, M, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

6. Bà La Chúc Q, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Đường L1, P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Vy Thúy H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Đường P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

9. Ông Trần Mai A, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Đường Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt,

10. Ông Chu Anh H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 33, cụm 4, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

11. Ông Trần Huy H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Đường N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

12. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Đường H, P4, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Đinh Thanh X, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Phố H, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Ông Vũ Ngọc D, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Phố H, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2020, bị cáo Trần Thị Quỳnh T có chồng là anh Vy Khánh L, điện thoại cho bà Trần Thị X (dì của anh Vy Khánh L) nhờ tìm nguồn hàng là găng tay cao su Nitrile tại Trung Quốc. Thông qua bà Trần Thị X giới thiệu, bị cáo Trần Thị Quỳnh T đã liên hệ, trao đổi qua ứng dụng Zalo với người đàn ông Trung Quốc tên là Trần Phúc H, sử dụng các số điện thoại 0177.078.000.** và 0393.244.*** về việc cung cấp mặt hàng găng tay cao su cho Trần Thị Quỳnh T, Trần Phúc H đồng ý.

Do tin tưởng Trần Phúc H có nguồn hàng, nên từ tháng 9/2020 đến tháng 10/2020, Trần Thị Quỳnh T ký hợp đồng mua bán và hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh găng tay cao su với 04 cá nhân trên địa bàn thành phố L và đã nhận tổng số tiền 12.600.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Trần Thị Quỳnh T sử dụng một phần để đặt mua hàng, phần còn lại dùng để trả nợ và tiêu sài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Kết quả điều tra đã xác định Trần Thị Quỳnh T chiếm đoạt tiền của 03 bị hại, cụ thể như sau:

Khoảng cuối tháng 9/2020 đầu tháng 10/2020, Trần Thị Quỳnh T mời ông Phạm Văn T góp vốn kinh doanh găng tay cao su Nitrile nhập từ Trung Quốc nên ông Phạm Văn T đã giới thiệu Trần Thị Quỳnh T với ông Nguyễn Đình H, ông Trần Văn T và ông Nguyễn Hùng C.

1. Đối với ông Phạm Văn T và ông Trần Văn T

Khoảng giữa tháng 10/2020, Trần Thị Quỳnh T cùng chồng là Vy Khánh L và ông Phạm Văn T đến nhà ông Trần Văn T và nhà ông Nguyễn Hùng C để đặt vấn đề góp vốn kinh doanh. Sau khi trao đổi cụ thể với từng người và được Trần Thị Quỳnh T cho xem các video do Trần Phúc H cung cấp về việc chuẩn bị bốc xếp hàng (găng tay cao su) lên xe ô tô tại Trung Quốc, ông Phạm Văn T và ông Trần Văn T đồng ý góp tiền để kinh doanh găng tay cao su cùng với Trần Thị Quỳnh T.

Ngày 16/10/2020, Trần Thị Quỳnh T soạn thảo và ký hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa vợ chồng Trần Thị Quỳnh T với ông Phạm Văn T và ông Trần Văn T với nội dung; Trần Thị Quỳnh T chịu trách nhiệm đặt hàng, vận chuyển và bán hàng cho khách, tiền lợi nhuận thu được sẽ chia đều theo tỷ lệ góp vốn.

Từ ngày 16/10/2020 đến ngày 21/10/2020, ông Phạm Văn T đã chuyển khoản cho Trần Thị Quỳnh T 4.000.000.000 đồng, ông Trần Văn T đã chuyển khoản cho Trần Thị Quỳnh T 1.400.000.000 đồng; tổng cộng là 5.400.000.000 đồng tiền góp vốn. Ngoài ra, ngày 09/10/2020 ông Phạm Văn T còn cho Trần Thị Quỳnh T vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền góp vốn của ông Phạm Văn T, ngày 22/10/2020 Trần Thị Quỳnh T chuyển cho bà Đinh Thanh X 1.200.000.000 đồng để đổi sang tiền Nhân dân tệ và nhờ bà Đinh Thanh X chuyển vào tài khoản số 6228482828632505*** tại Ngân hàng Trung Quốc của Trần Phúc H để đặt mua găng tay cao su.

Số tiền góp vốn kinh doanh của ông Phạm Văn T còn lại là 2.800.000.000 đồng và của Trần Văn T là 1.400.000.000 đồng; tổng là 4.200.000.000 đồng đã được Trần Thị Quỳnh T sử dụng để trả các khoản nợ trước đó và tiêu sài cá nhân,

cụ thể: Trả ông Chu Anh H 1.300.000.000 đồng, trả ông Trần Huy H 2.000.000.000 đồng, trả bà La Chúc Q 296.000.000 đồng, trả bà Hoàng Thị G 300.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân 304.000.000 đồng.

2. Đối với ông Nguyễn Đình H:

Do có nhu cầu kinh doanh găng tay cao su nên sau khi được ông Phạm Văn T đưa đến gặp Trần Thị Quỳnh T, ông Nguyễn Đình H đồng ý ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2020/HDMB/TH-BQ ngày 02/10/2020 giữa bên bán là Công ty trách nhiệm Hữu Hạn Một thành viên T, Lạng Sơn (viết tắt là Công ty T) do anh Đặng Tuấn H (em họ của Trần Thị Quỳnh T) làm Giám đốc và bên mua là Công ty Cổ phần Năng lượng B (viết tắt là Công ty B) do ông Nguyễn Đình H làm Tổng Giám đốc; nội dung hợp đồng thể hiện việc mua bán là 36 tấn găng tay cao su Nitrile Trung Quốc với tổng giá trị hợp đồng là 10.440.000.000 đồng, thời hạn giao hàng từ 07 đến 10 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng và chuyển tiền cọc; việc thanh toán chia thành 03 đợt, đợt 1 thanh toán 30% sau khi ký hợp đồng, đợt 2 thanh toán 20% sau khi gửi video ghi lại quá trình đóng gói hàng hóa và bốc xếp lên xe, đợt 3 thanh toán 50% khi giao nhận hàng và nghiệm thu.

Trên cơ sở Hợp đồng đã ký, từ ngày 02/10/2020 đến ngày 16/10/2020, ông Nguyễn Đình H đã nhiều lần chuyển khoản cho Trần Thị Quỳnh T với tổng số tiền là 5.200.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2020, Trần Thị Quỳnh T chuyển 400.000.000 đồng cho bà Đinh Thanh X để đổi tiền Nhân dân tệ, rồi nhờ bà Đinh Thanh X chuyển toàn bộ số tiền này đến tài khoản số 6217003370009070895 tại Ngân hàng Trung Quốc của Trần Phúc H. Số tiền còn lại Trần Thị Quỳnh T dùng để trả những khoản nợ trước đó và tiêu dùng cá nhân, cụ thể đã trả cho các chủ nợ gồm: Ông Phạm Văn T 1.000.000.000 đồng, bà Hoàng Thị G 850.000.000 đồng, bà Vy Thúy H 60.000.000 đồng, bà La Chúc Q 130.000.000 đồng, bà Phạm Hoàng Y 415.000.000 đồng, bà Trần Mai A 200.000.000 đồng, ông Chu Anh H 1.000.000.000 đồng; chi tiêu cá nhân hết 1.145.000.000 đồng.

Vì không có hàng để giao cho Nguyễn Đình H như thỏa thuận, nên từ ngày 02/11/2020 đến ngày 24/11/2020, Trần Thị Quỳnh T đã trả ông Nguyễn Đình H 1.600.000.000 đồng.

3. Đối với ông Nguyễn Hùng C:

Qua giới thiệu của ông Phạm Văn T và sau khi xem các đoạn video liên quan đến việc sản xuất, bốc xếp găng tay cao su. Ngày 22/10/2020, theo yêu cầu của Trần Thị Quỳnh T, ông Nguyễn Hùng C đồng ý chuyển khoản cho Trần Thị Quỳnh T 2.000.000.000 đồng thông qua bà Đỗ Thị X và nhờ bà Đỗ Thị X chuyển đến tài khoản số 6217003370009070*** tại Ngân hàng Trung Quốc của Trần Phúc H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Trần Thị Quỳnh T đã chuyển khoản tổng cộng 3.600.000.000 đồng cho Trần Phúc H để đặt hàng và khoản vay 1.000.000.000 đồng của ông Phạm Văn T là quan hệ dân sự. Vì vậy không có cơ sở xác định Trần Thị Quỳnh T chiếm đoạt số tiền nêu trên.

Do Trần Phúc H không cung cấp được hàng nên Trần Thị Quỳnh T không có hàng bán để thanh toán lợi nhuận và cũng không có khả năng trả lại tiền đặt

mua hàng, tiền góp vốn cho các ông Nguyễn Đình H, Phạm Văn T, Trần Văn T và Nguyễn Hùng C.

Cáo trạng số 107/CT-VKS-P1 ngày 11/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Thị Quỳnh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong đó, xác định tổng số tiền mà Trần Thị Quỳnh T chiếm đoạt của các bị hại là 7.400.000.000 đồng bao gồm: Ông Nguyễn Đình H 3.200.000.000 đồng, ông Phạm Văn T 2.800.000.000 đồng và ông Trần Văn T là 1.400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Thị Quỳnh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và trình bày: Bị cáo trao đổi, thỏa thuận với Trần Phúc H qua ứng dụng zalo nên không biết địa chỉ cụ thể của Trần Phúc H. Thực tế bị cáo đã chuyển một phần tiền để đặt hàng và hiện bị cáo không có khả năng thanh toán cho các bị hại. Vì vậy, bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các ông Nguyễn Đình H, Nguyễn Hùng C, Phạm Văn T, Trần Văn T tương ứng với tổng số tiền mà bị cáo đã nhận; cụ thể: Bồi thường cho ông Nguyễn Đình H 3.600.000.000 đồng; bồi thường cho ông Phạm Văn T 4.000.000.000 đồng; bồi thường cho ông Trần Văn T 1.400.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Hùng C 2.000.000.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Đình H trình bày: Vì tin tưởng bị cáo Trần Thị Quỳnh T có nguồn gang tay cao su nên ông mới ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2020/HDMB/TH-BQ. Mặc dù Hợp đồng thể hiện bên mua hàng là Công ty Cổ phần năng lượng B do ông là Tổng giám đốc ký với tư cách là người đại diện Công ty nhưng thực tế toàn bộ tiền chuyển khoản cho Trần Thị Quỳnh T là tiền của cá nhân ông. Tổng số tiền ông đã chuyển cho Trần Thị Quỳnh T là 5.200.000.000 đồng, đã được trả lại 1.600.000.000 đồng; nay ông Nguyễn Đình H yêu cầu bị cáo Trần Thị Quỳnh T bồi thường cho ông 3.600.000.000 đồng và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn T trình bày: Khoảng tháng 9/2020, Trần Thị Quỳnh T có mời ông góp vốn kinh doanh gang tay cao su Nitrile nhập từ Trung Quốc nên khi ông Nguyễn Đình H nhờ ông tìm nguồn hàng gang tay cao su, ông đã giới thiệu Nguyễn Đình H với Trần Thị Quỳnh T. Sau khi được Trần Thị Quỳnh T cho xem các video liên quan đến việc sản xuất, bốc xếp gang tay cao su, ông và ông Trần Văn T đồng ý góp vốn cùng kinh. Số tiền ông Trần Văn T góp là 1.400.000.000 đồng, ông góp 4.000.000.000 đồng và còn cho Trần Thị Quỳnh T vay 1.000.000.000 đồng. Thực tế đến nay Trần Thị Quỳnh T không có gang tay cao su để bán và cũng không trả lại tiền cho các ông. Nay ông Phạm Văn T yêu cầu bị cáo Trần Thị Quỳnh T có trách nhiệm trả ông 4.000.000.000 đồng, trả ông Trần Văn T 1.400.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo trả số tiền 1.000.000.000 đồng đã vay của ông trước đó. Ngoài ra, còn có ông Nguyễn Hùng C cũng đã chuyển cho Trần Thị Quỳnh T 2.000.000.000 đồng để kinh doanh gang tay cao su. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phạm Hoàng Y trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Trần Thị Quỳnh T. Tháng 10/2020 bà được Trần Thị Quỳnh T thanh toán khoản nợ vay với số tiền 415.000.000 đồng. Bản thân bà cũng đứng ra vay mượn để Trần Thị Quỳnh T kinh doanh gắng tay cao su nhưng việc buôn bán không gặp may nên Trần Thị Quỳnh T không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác tuy vắng mặt nhưng qua lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thể hiện đúng như nội dung đã tóm tắt ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Quỳnh T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bồi thường, cụ thể: Bị cáo phải trả cho bị hại Nguyễn Đình H số tiền là 3.600.000.000 đồng, trả cho bị hại Phạm Văn T số tiền 4.000.000.000 đồng, trả cho bị hại Trần Văn T số tiền 1.400.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại Iphone mà ông Phạm Văn T nộp tại Cơ quan điều tra là tài sản riêng của ông Phạm Văn T, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông Phạm Văn T.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Quỳnh T: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, về tình tiết tăng nặng, về xử lý vật chứng, về không áp dụng hình phạt bổ sung, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đã đề nghị; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho gia đình bị cáo bảo lãnh để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và chấp nhận đơn xin bảo lãnh của gia đình bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại

đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị hại Trần Văn T vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Quỳnh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng hợp tác kinh doanh mặt hàng gang tay cao su từ Trung Quốc về Việt Nam, bị cáo Trần Thị Quỳnh T đã nhận tổng số tiền 12.600.000.000 đồng, gồm 5.200.000.000 đồng của Nguyễn Đình H; 4.000.000.000 đồng của Phạm Văn T và 1.400.000.000 đồng của Trần Văn T là tiền góp vốn kinh doanh và 2.000.000.000 của ông Nguyễn Hùng C. Sau khi nhận tiền, bị cáo Trần Thị Quỳnh T đã chuyển 3.600.000.000 đồng sang Trung Quốc để đặt mua hàng, trả lại ông Nguyễn Đình H 1.600.000.000 đồng, số tiền còn lại là 7.400.000.000 đồng bị cáo sử dụng để trả nợ cho các khoản vay trước đó và chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng thanh toán. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 7.400.000.000 đồng. Do bị cáo có mục đích chiếm đoạt sau khi nhận được tài sản. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Thị Quỳnh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo Trần Thị Quỳnh T, ngoài việc xem xét, đánh giá về nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh phạm tội, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cần xem xét đến nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể như sau:

[6] Trước khi phạm tội, bị cáo Trần Thị Quỳnh T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình; quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo đang mang thai; quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo và mẹ đẻ là bà Phạm Hoàng Y được vinh danh và tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen của

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và các tổ chức đoàn thể do đã tích cực tham gia hoạt động từ thiện. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của nhiều người, nhiều lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015.

[7] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Các tài sản đứng tên vợ chồng bị cáo hiện đều đang thế chấp tại các Ngân hàng để đảm bảo các khoản vay với Ngân hàng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản: Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại gồm ông Nguyễn Đình H, ông Phạm Văn T và người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc bồi thường, cụ thể: Bị cáo Trần Thị Quỳnh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H 3.600.000.000 đồng, bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 4.000.000.000 đồng, bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 1.400.000.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức, xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba nên cần chấp nhận. Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt ông Nguyễn Hùng C nhưng bị cáo Trần Thị Quỳnh T tự nguyện trả lại ông Nguyễn Hùng C toàn bộ số tiền mà bị cáo đã nhận là 2.000.000.000 đồng; xét thấy cần ghi nhận quyền tự định đoạt và sự tự nguyện của bị cáo về nội dung này.

[10] Do Trần Thị Quỳnh T nhờ Trần Thị X tìm nguồn hàng găng tay cao su để nhập về bán, nên bà Trần Thị X đã giới thiệu Trần Phúc H (người Trung Quốc) cho Trần Thị Quỳnh T. Bà Trần Thị X không tham gia trao đổi mua bán găng tay cao su và không được hưởng lợi gì. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Trần Thị X với vai trò đồng phạm.

[11] Đối với Trần Phúc H, do không rõ địa chỉ của Trần Phúc H tại Trung Quốc, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở thực hiện ủy thác tư pháp, để làm rõ sự liên quan của Trần Phúc H trong vụ án.

[12] Đối với Phạm Văn T do quen biết và tin tưởng Trần Thị Quỳnh T có mối hàng găng tay cao su nên đã giới thiệu cho các ông Nguyễn Đình H, Trần Văn T, Nguyễn Hùng C để hợp tác làm ăn với Trần Thị Quỳnh T; bản thân ông Phạm Văn T cũng là bị hại trong vụ án và cũng không biết sau khi nhận được tiền của các bị hại, Trần Thị Quỳnh T đã chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu sài cá nhân. Vì vậy không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Phạm Văn T với vai trò đồng phạm.

[13] Đối với Đặng Tuấn H là người được Trần Thị Quỳnh T nhờ đứng tên đại diện theo pháp luật của Công ty T và ký tên trong Hợp đồng ngày 02/10/2020

giữa Công ty T với Công ty B; Vy Khánh L được đi cùng Trần Thị Quỳnh T và Phạm Văn T đến nhà Trần Văn T, Nguyễn Hùng C và ký Hợp đồng góp vốn. Thực tế Đặng Tuấn H và Vy Khánh L không tham gia thỏa thuận, trao đổi, mua bán hàng hóa, góp vốn làm ăn; mọi giao dịch đều do Trần Thị Quỳnh T tự thực hiện, tự thỏa thuận với Nguyễn Đình H, Phạm Văn T, Trần Văn T và Nguyễn Hùng C. Mặt khác, Đặng Tuấn H và Vy Khánh L cho Trần Thị Quỳnh T mượn tài khoản cá nhân để nhận tiền đặt cọc, tiền góp vốn nhưng sau khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản của mình, Đặng Tuấn H và Vy Khánh L đã chuyển lại toàn bộ số tiền cho Trần Thị Quỳnh T; không được hưởng lợi từ các giao dịch trên. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Đặng Tuấn H và Vy Khánh L với vai trò đồng phạm.

[14] Số tiền bị cáo nhận từ các bị hại và sử dụng để trả cho các khoản nợ trước đó của 08 cá nhân gồm ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị G, bà Vy Thúy H, bà La Chúc Q, bà Phạm Hoàng Y, bà Trần Mai A, ông Chu Anh H, ông Trần Huy H; do các cá nhân trên không biết nguồn gốc số tiền mà bị cáo đã trả là tiền do phạm tội mà có nên không có căn cứ để thu hồi tài sản.

[15] Đối với bà Đỗ Thị X và vợ chồng bà Đinh Thanh X, ông Vũ Ngọc D là người ông Nguyễn Hùng C, bị cáo Trần Thị Quỳnh T nhờ chuyển tiền vào tài khoản số 6217003370009070***, 6228482828632505*** tại Ngân hàng Trung Quốc của Trần Phúc H mà không biết việc thỏa thuận mua bán, góp vốn giữa bị cáo và bị hại nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm.

[16] Ngoài ra, giữa bị cáo và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quan hệ vay tài sản. Đây là giao dịch dân sự giữa các bên nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên xét thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, có việc tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo trình tự thủ tục Tố tụng dân sự

[17] Việc ông Phạm Văn T cho bị cáo Trần Thị Quỳnh T vay số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 09/10/2020 là quan hệ dân sự và tại phiên tòa ông Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm hoàn trả. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 6 hiện đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án Dân sự, là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn T nên cần trả lại cho ông Phạm Văn T.

[19] Về án phí: Do bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 11.000.000.000 (mười một tỷ) đồng nên ngoài việc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo còn phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[20] Xét ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị của người bào chữa; ý kiến, đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận; ý kiến, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[21] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106, khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, 275, 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Quỳnh T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Quỳnh T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 01-12-2021 đến ngày 02-12-2021.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

3.1 Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo Trần Thị Quỳnh T và 03 bị hại ông Nguyễn Đình H, ông Phạm Văn T và người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T, cụ thể:

- Bị cáo Trần Thị Quỳnh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H số tiền 3.600.000.000 (ba tỷ sáu trăm triệu) đồng.

- Bị cáo Trần Thị Quỳnh T phải bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng.

- Bị cáo Trần Thị Quỳnh T phải bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng.

3.2 Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Thị Quỳnh T về việc: Bị cáo Trần Thị Quỳnh T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Hùng C số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Trả lại ông Phạm Văn T 01 điện thoại di động Iphone 6, màu trắng, máy đã qua sử dụng, số Imei 352031079513601;

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn với Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lạng Sơn)

5. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Quỳnh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 119.000.000 (một trăm mười chín triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy